

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Huỳnh Tâm và ông Phạm Đình Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lâm Thị H, sinh năm 1983 (có mặt).
Địa chỉ: thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.
- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1983 (vắng mặt lần 02).
Địa chỉ: thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lâm Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T1 tự nguyện quen biết và tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, Bình Định vào ngày 01/6/2010.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 trai gái, cờ bạc, đánh đập chị. Chị đã nộp đơn ly hôn hai lần, vì con chị đã rút đơn - để cho anh T1 cơ hội sửa đổi tiếp tục cùng chung sống nuôi con, nhưng anh T1 tính nết ngày càng tệ hơn không cải sửa. Vợ chồng

đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài T2 (Nữ) sinh ngày 25/12/2011, con khi nay ở với chị H. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến trưởng thành (vì nguyện vọng của cháu T2 muốn ở với chị H). Chị H không yêu cầu anh Nguyễn Đức T1 cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức T1 trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất như lời trình bày của chị Lâm Thị H về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn và thời gian đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, chị H do công việc đi sớm về khuya không chăm sóc cho con cái, thiếu trách nhiệm làm vợ, làm mẹ, anh bức dọc nói thì dẫn đến vợ chồng kinh cãi; anh cũng thừa nhận lúc kinh cãi có nóng tính đã đánh chị H tát tai. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị H vì vẫn còn tình cảm với vợ, xin được đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau chăm sóc nuôi con chung.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoài T2 (Nữ) sinh ngày 25/12/2011, con khi nay ở với chị H. Con chung nay đã lớn khi ly hôn con chung muốn ở với ai là quyền của cháu.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn với ông Lê Ngọc Đ là Trưởng thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định là nơi chị H và anh T1 đang sinh sống, phản ánh tình trạng hôn nhân như sau: Ông Đ có biết vợ chồng chị H, anh T1 trong quá trình chung sống với nhau có mâu thuẫn, thường xuyên kinh cãi lớn tiếng với nhau, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn thì ông không biết. Ngoài ra ông không cung cấp thông tin gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến: việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị H, cho chị Lâm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1, giao con chung Nguyễn Hoài T2 (Nữ) sinh ngày 25/12/2011 cho chị Lâm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị H không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đức T1 vắng mặt không rõ lý do (mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần) nên căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

* **Về nội dung vụ án:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lâm Thị H và anh Nguyễn Đức T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, Bình Định vào ngày 01/6/2010 phù hợp với quy định tại các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T1 không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn mà chỉ cờ bạc, về nhà còn đánh chị H; vì con chị H đã nhiều lần bỏ qua để tiếp tục chung sống, nhưng anh T1 tính nào tật nấy không sửa đổi; tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai; vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ cuối năm 2017 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết triệt để nên ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh T1 vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được - là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh T1 vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình; chị H vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn nên yêu cầu đoàn tụ của anh T1 không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] **Về con chung:** Có 01 con chung tên Nguyễn Hoài T2 (Nữ) sinh ngày 25/12/2011, con khi nay ở với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của con chung (T2), phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận. Anh Nguyễn Đức T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Lâm Thị H không yêu cầu.

[3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[4] **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị Lâm Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0006270 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 58, 71, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị H, tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lâm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức T1.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Hoài T2 (Nữ) sinh ngày 25/12/2011 cho chị Lâm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành, anh Nguyễn Đức T1 không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Lâm Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng - tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai số 0006270 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị H đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Giang Nam